TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2025/DS-ST
Ngày: 16/6/2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bút.

Bà Ngô Thị Thưởng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

Ngày 16 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2025/TLST - DS ngày 08 tháng 04 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 05 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mai X, sinh năm 1990; địa chỉ: 283/24 ấp AT, xã LT, huyện CL, tỉnh BT. có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1990; địa chỉ: 167/34 ấp BT, xã VT, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Mộng C, sinh năm: 1993; địa chỉ: 167/34 ấp BT, xã VT, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà X trình bày: Ông P có vay của bà X số tiền là 465.000.000đồng, vay có thời hạn, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1% tháng. Bà X với ông P có lập văn bản thỏa thuận về việc vay tiền và được UBND xã VT chứng thực ngày 27/12/2023. Số chứng thực 1468, quyển số 02/2023-SCT/HĐ,GD. Trong văn bản thỏa thuận, ông P hứa sẽ trả tiền đã vay và chia làm hai lần trả cụ thể như sau:

Lần 1: vào ngày 27/01/2024 ông P sẽ trả cho bà X số tiền là 200.000.000đồng.

Lần 2: vào ngày 29/02/2024 ông P sẽ trả cho bà X số tiền là 265.000.000đồng.

Đến ngày 28/6/2024, ông P có viết cho bà X một tờ giấy, nội dung cam kết đến ngày 28/8/2024 sẽ thanh toán đủ số tiền đã vay của bà X. Tuy nhiên, đến ngày 22/12/2024 ông P có trả cho bà X số tiền là 85.000.000đông. Số tiền còn lại là 380.000.000đồng và tiền lãi thỏa thuận là 3.600.000đồng (hợp đồng ghi lãi 1% nhưng thực tế là lấy lãi ít hơn).

Nhiều lần bà X liên hệ ông P yêu cầu vợ chồng ông P trả cho bà số tiền còn nợ lại nhưng vợ chồng ông P cứ hứa hẹn rồi không trả.

Vì vậy, Bà Lê Thị Mai X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn P và bà Trần Thị Mộng C có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà X số tiền gốc là 380.000.000đồng và tiền lãi từ 01/3/2025 đến khi có quyết định của Tòa án là 3.600.000đồng. Tổng cộng gốc + lãi là 383.600.000đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà X chỉ yêu cầu ông P có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc là 380.000.000đồng và 03 tháng tiền lãi là 11.400.000đồng, tổng cộng là 391.400.000đồng. Lý do bà X không yêu cầu bà C vợ ông P liên đới trả là vì đất chỉ do ông P đứng chủ quyền và trong giấy nợ chỉ có ông P đứng tên vay.

Bị đơn ông P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà C: mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông bà như: thông báo về việc thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện, tất cả các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, thông báo kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng ông, bà vẫn vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn (bà X) kiện bị đơn (ông P), yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc + lãi là 391.400.000đồng nên đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn có nơi cư trú 167/34 ấp BT, xã VT, huyện CL nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn (ông P) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà C) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Lê Thị Mai X) cho thấy theo đơn kiện ngày 28/03/2025 bà X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P cùng bà C liên đới trả cho bà X số tiền gốc 380.000.000đồng và tiền lãi là tính từ 01/03/2025 đến khi xét xử (tạm tính mỗi tháng là 3.600.000đồng/tháng). Nhưng tại phiên

tòa hôm nay bà X chỉ yêu cầu cá nhân ông P có trách nhiệm trả cho bà X số tiền gốc là 380.000.000đ và tiền lãi 03 tháng tính từ tháng 03 năm 2025 đến ngày 16/6/2025 là 11.400.000đồng, không yêu cầu bà C cùng liên đới trả cho bà và cung cấp chứng cứ là "văn bản thỏa thuận về việc vay tiền đề ngày 27/12/2023".

Xét thấy, việc bà X yêu cầu cá nhân ông P có trách nhiệm trả nợ vay cho bà là tự nguyện, không trái luật nên ghi nhận.

Căn cứ vào nội dung "văn bản thỏa thuận về việc vay tiền" cho thấy ông P có vay của bà X là 465.000.000đồng, ông P cam kết trả cho bà X làm 02 lần (lần thứ 1 vào ngày 27/01/2024 ông P sẽ trả cho bà X số tiền là 200.000.000đồng và lần 2 vào ngày 29/02/2024 ông P sẽ trả cho bà X số tiền là 265.000.000đồng), nhưng thực tế ông P chỉ trả được cho bà X 85.000.000đồng, còn nợ lại bà X 380.000.000đồng. Đồng thời, phía sau tờ văn bản thỏa thuận ông P đã thừa nhận còn chưa thanh toán đủ số tiền 465.000.000đồng cho bà X, chứng tỏ thực tế ông P vẫn còn nợ tiền của bà X.

Xét về hình thức "Văn bản thỏa thuận vay tiền giữa bà X với ông P, ngày 27/12/2023" thể hiện rỏ họ tên, số căn cước công dân và địa chỉ nơi cư trú cụ thể của bên vay, có chứng thực nội dung chữ ký của bên cho vay và bên vay tại UBND xã VT ngày 27/12/2023.

Do đó, việc ông P không đến Tòa là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý, giải quyết là phù hợp khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Mặc khác, sau khi được Tòa án tống đạt hợp lệ các chứng cứ là "văn bản thỏa thuận" cùng các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp" thì ông P không có ý kiến phản hồi, ông P cũng không có khiếu nại gì với số tiền mà nguyên đơn yêu cầu như trên, nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi 1%/tháng của nguyên đơn: theo văn bản thỏa thuận vay tiền thì ông P có trách nhiệm trả cho bà X làm hai lần và lần hai là vào ngày 29/02/2024. Tuy nhiên, bà X cho rằng ông P chỉ trả cho bà X được 85.000.000đông tiền gốc và không đóng lãi từ tháng 03 năm 2025 đến nay, phía bị đơn (ông P) sau khi nhận được các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp ông cũng không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông chấp nhận với yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy biên nhận tiền đã ghi rõ lãi suất 1% tháng, lãi xuất mà hai bên thỏa thuận cũng không vượt quá qui định (20%/năm) tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mai X đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Tấn P phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mai X số tiền gốc 380.000.000đồng + lãi là 11.400.000đồng. Tổng cộng là 391.400.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 391.400.000đồng x 5% = 19.570.000đồng. Buộc ông Nguyễn Tấn P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 19.570.000đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Mai X số tiền 9.590.000đồng mà bà X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0008978, ngày 01/04/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện CL;*
- *Chi cục T.H.A DS CL;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ THÚY HẰNG